

Số: 906/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 11 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia
phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
giai đoạn 2022 - 2025**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1044/QĐ-BTTTT ngày 07/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Kế hoạch triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 897/TTr-STTTT ngày 29/6/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (*phê duyệt tại Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ*) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022-2025.

Điều 2. Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện; hướng dẫn, đôn đốc, các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch. Định kỳ tổng hợp tình hình, kết quả triển khai thực hiện, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Công an tỉnh; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Thông tin và Truyền thông (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Văn phòng ĐBQH&HĐND tỉnh;
- BTT UBMTTQVN và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Quảng Ngãi;
- Cục Thuế tỉnh;
- Báo Quảng Ngãi, Đài PTTH tỉnh;
- VPUB: CPVP, các phòng, ban, đơn vị, CBTH;
- Lưu: VT, KGVX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Phước Hiền



KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 41 tháng 7 năm 2022
của Chủ tịch UBND tỉnh)

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Quyết định số 1044/QĐ-BTTTT ngày 07/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Ban hành Kế hoạch triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ; trên cơ sở đề xuất của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 897/TTr-STTTT ngày 29/6/2022, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi như sau:

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

- Cụ thể hóa nhiệm vụ triển khai theo mục tiêu, nội dung tại Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

- Phân định rõ nhiệm vụ để các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, tổ chức, doanh nghiệp triển khai phát triển kinh tế số và xã hội số trong hoạt động của cơ quan, đơn vị mình.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Phát triển kinh tế số

Mục tiêu cơ bản đến năm 2025:

- Tỷ trọng kinh tế số đạt 20% GDP.
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%.
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 10%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 80%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%.
- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 2%.

2. Phát triển xã hội số

Mục tiêu cơ bản đến năm 2025:

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 80%.

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 80%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 50%.

- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 70%.

- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng thông rộng cáp quang đạt 80%.

- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 70%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 50%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 30%.

- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 90%.

- Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 80%.

- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 70%.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Phát triển nền móng kinh tế số và xã hội số

a) Thể chế

Xây dựng, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, pháp luật trong từng ngành, lĩnh vực phù hợp với yêu cầu của phát triển kinh tế số, xã hội số của tỉnh; chú trọng xây dựng các chính sách để nâng tỷ lệ hoạt động trực tuyến chiếm tối thiểu 50% các hoạt động trong mỗi cơ quan, đơn vị, tổ chức, ngành, lĩnh vực.

b) Hạ tầng

- Triển khai Chiến lược phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh sau khi Chính phủ ban hành.

- Triển khai chiến lược, lộ trình số hóa và thông minh hóa các lĩnh vực hạ tầng thiết yếu khác phục vụ kinh tế số và xã hội số gồm: hạ tầng bưu chính; hạ tầng giao thông; hạ tầng cung cấp điện; hạ tầng thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu; hạ tầng đô thị; hạ tầng khu công nghiệp; hạ tầng thương mại, công nghiệp và năng lượng; hạ tầng giáo dục và đào tạo; hạ tầng khoa học và công nghệ; hạ tầng y tế; hạ tầng văn hóa, thể thao, du lịch.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số doanh nghiệp và dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh phát triển hạ tầng kết nối số cho người dân. Đẩy nhanh tốc độ phủ mạng cáp quang, mạng di động băng thông rộng đến tất cả các thôn, tổ dân phố, khu

vực dân sinh; tăng nhanh tỷ lệ người dùng Internet, đặc biệt ở khu vực nông thôn; nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng, phủ sóng chất lượng ở các vùng trắng, vùng lõm về kết nối mạng băng thông rộng. Triển khai Nền tảng địa chỉ số, bản đồ số tạo hạ tầng mềm cho phát triển kinh tế số và xã hội số.

c) Nền tảng số

Đẩy mạnh triển khai Chương trình thúc đẩy sử dụng nền tảng số quốc gia theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 1446/UBND-KGVX ngày 31/3/2022.

d) Dữ liệu số

- Triển khai Chiến lược dữ liệu quốc gia trên địa bàn tỉnh sau khi Chính phủ ban hành.

- Triển khai kế hoạch phát triển dữ liệu và phát triển nhân lực dữ liệu trong các lĩnh vực trọng điểm: nông nghiệp, y tế, giáo dục và đào tạo, tài nguyên và môi trường, giao thông vận tải, lao động, công nghiệp và thương mại, xây dựng, văn hóa, thể thao và du lịch. Bảo đảm dữ liệu được tạo lập tuân thủ theo định dạng máy đọc được, sẵn sàng khả năng chia sẻ, khai thác, sử dụng thuận lợi.

- Triển khai Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp tỉnh, kết nối liên thông, mở chia sẻ dữ liệu để tập hợp tài nguyên dữ liệu trong ngành, lĩnh vực, địa phương vào một đầu mối xử lý, phân tích, tạo ra các giá trị mới phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.

- Đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và chuyển đổi số.

- Triển khai Hệ thống định danh và xác thực điện tử trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu căn cước công dân và cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh làm nền tảng chuyển đổi số tại Quảng Ngãi.

đ) An toàn thông tin mạng và an ninh mạng

- Triển khai Chiến lược an toàn an ninh mạng quốc gia.

- Đảm bảo yêu cầu an toàn thông tin mạng mặc định ngay từ khâu thiết kế, xây dựng khi phát triển các hạ tầng số, nền tảng số.

- Triển khai phổ cập dịch vụ an toàn thông tin mạng cơ bản giúp người dân phòng, tránh và tự bảo vệ mình trước những nguy cơ, rủi ro và sự cố mất an toàn thông tin mạng.

- Triển khai dịch vụ an toàn thông tin mạng chuyên nghiệp giúp tổ chức, doanh nghiệp thực hiện mô hình bảo vệ 04 lớp.

- Triển khai hệ sinh thái tín nhiệm mạng như một chỉ dẫn quan trọng, tạo niềm tin cho người dân trên môi trường số thông qua việc thực hiện đánh giá và dán nhãn tín nhiệm cho các trang, cổng thông tin điện tử, phần mềm ứng dụng và các hệ thống thông tin khác đáp ứng yêu cầu về an toàn thông tin mạng.

- Triển khai ký số từ xa theo hướng ưu tiên phổ cập việc sử dụng chữ ký số

cá nhân cho người dân một cách đơn giản, thuận tiện, an toàn và có giá sử dụng chữ ký số phù hợp thu nhập của người dân.

- Bảo đảm, xác thực thông tin trên nền tảng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, kết nối để phục vụ việc xác nhận mức độ bảo đảm, xác thực của danh tính số của người dân.

- Đẩy mạnh công tác phòng, chống tội phạm công nghệ cao trong các hoạt động kinh tế - xã hội.

e) Nhân lực số

- Triển khai Chương trình “Học từ làm việc thực tế”, triển khai nền tảng số kết nối các cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp để thúc đẩy học từ làm việc thực tế, đào tạo và đào tạo lại kỹ năng số cho người lao động, kết nối cung cầu thị trường lao động.

- Triển khai Chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục tiểu học và phổ thông. Chú trọng tập huấn, đào tạo giáo viên và trang bị đủ thiết bị, robotics, phần mềm. Khuyến khích các cơ sở giáo dục phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đào tạo kỹ năng số, STEM/STEAM, robotic để triển khai.

- Triển khai mạng lưới hệ thống thư viện điện tử, các nền tảng tài nguyên giáo dục mở.

- Triển khai Nền tảng quản lý nội dung học tập quốc gia; Nền tảng quản lý học tập quốc gia.

f) Kỹ năng số, công dân số và văn hóa số

- Triển khai Nền tảng học trực tuyến mở (MOOCs) về kỹ năng số.

- Tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng số cơ bản, kỹ năng số nâng cao, kỹ năng kỹ thuật cho các đối tượng là cán bộ lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật, công nghệ thông tin và chuyên trách chuyển đổi số và công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước, trong các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh. Đào tạo đạt chuẩn kỹ năng số cho sinh viên, học sinh trong các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục phổ thông.

- Hàng năm thực hiện sát hạch, đánh giá, công bố kỹ năng số của học sinh, sinh viên, công chức, viên chức và người lao động trong các doanh nghiệp.

- Triển khai các chương trình thúc đẩy phát triển công dân số rộng khắp, mỗi người dân tuổi thành niên đều có danh tính số, tài khoản số, phương tiện số và được đào tạo, tập huấn về kỹ năng số. Đẩy mạnh triển khai các chương trình hỗ trợ, phổ cập kết nối số cho người dân. Khuyến khích người dân sử dụng các thiết bị IoT để quan trắc, giám sát phục vụ đời sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình.

- Tổ chức triển khai các chương trình phát triển văn hóa số sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. Tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích người dân truy cập Internet, đăng ký tài khoản và sử dụng các dịch vụ số mà trọng tâm là dịch vụ

công trực tuyến, dịch vụ y tế số, giáo dục số, sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và khai thác tiện ích, tài nguyên số trên Internet. Hướng dẫn người dân về các kỹ năng an toàn thông tin cơ bản để có thể tự bảo vệ mình trên không gian số. Triển khai nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến người dân, tạo kênh độc lập thu thập, tổng hợp ý kiến phản ánh, đánh giá của người dân liên quan đến mọi vấn đề đời sống kinh tế, xã hội.

g) Doanh nghiệp số

- Triển khai Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 12/6/2020 về Phát triển doanh nghiệp công nghệ số hoạt động trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

- Đẩy mạnh triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.

- Triển khai Chương trình xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo, đôn đốc doanh nghiệp trong ngành, lĩnh vực, địa bàn tích cực tham gia. Có chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp nỗ lực đạt mức độ chuyển đổi số cao để hình thành các doanh nghiệp số.

- Triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát và logistic chuyển đổi số; Chương trình hỗ trợ các cơ sở, cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số; Chương trình hỗ trợ các hộ sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể chuyển đổi số, kinh doanh trên sàn thương mại điện tử. Triển khai Nền tảng quản trị tổng thể, Nền tảng kế toán dịch vụ, Nền tảng tối ưu hóa chuỗi cung ứng, Nền tảng thương mại số nông nghiệp, Nền tảng trí tuệ nhân tạo, Nền tảng trợ lý ảo, Nền tảng thiết bị IoT.

h) Thanh toán số

- Triển khai thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Triển khai Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Triển khai Chương trình thúc đẩy dịch vụ Mobile Money, tập trung ưu tiên ở các vùng, miền có tỷ lệ phổ cập dịch vụ ngân hàng còn ở mức thấp. Hướng dẫn, triển khai Chương trình hỗ trợ bệnh viện, trường học thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt và chuyển đổi số quản trị hoạt động của đơn vị.

- Triển khai Nền tảng hóa đơn điện tử quốc gia, kết nối, liên thông với toàn bộ các cơ quan thuế, cho phép thanh toán hóa đơn điện tử, rút ngắn thời gian thực hiện giao dịch điện tử.

2. Phát triển kinh tế số và xã hội số theo ngành, lĩnh vực

a) Nông nghiệp và nông thôn

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, chuyển dịch từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế số nông nghiệp; triển khai các nền tảng số phục vụ nhu cầu của người nông dân.

- Triển khai Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp đóng vai trò nòng cốt và người nông dân tham gia tích cực trong việc thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ sản xuất nông nghiệp, tiêu thụ nông sản; kịp thời cung cấp thông tin, tư vấn, dự báo tình hình cho nông dân.

- Triển khai Nền tảng số kết nối người nông dân với chuyên gia nông nghiệp để thu thập dữ liệu theo hình thức đóng góp của cộng đồng, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hỗ trợ phân tích, phát hiện sớm bệnh dịch cho cây trồng, vật nuôi để có phương án xử lý kịp thời.

- Triển khai Nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản cho phép kiểm tra nguồn gốc, xuất xứ, quy trình sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng của nông sản.

- Cập nhật bộ tiêu chí về nông thôn mới, sản phẩm OCOP. Tổ chức triển khai mô hình làng chuyên đổi số, xã chuyên đổi số, trong đó, nhiệm vụ trọng tâm là gắn kết phát triển thương mại điện tử với Chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm.

- Tổ chức triển khai phổ cập kỹ năng số cho người nông dân theo hướng tuyên truyền, phổ biến qua phương tiện truyền thông cơ sở; qua hệ thống hội nông dân các cấp; tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, hỗ trợ nông dân chuyên đổi số trong quá trình tổ chức sản xuất nông nghiệp và tham gia vào phát triển kinh tế số, xã hội số; tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn kỹ năng số cho người nông dân thông qua các nền tảng số, đào tạo trực tuyến, liên tục phát triển kỹ năng và tri thức số cho người nông dân, ưu tiên nhóm kỹ năng về sử dụng, khai thác các sản phẩm dịch vụ điện tử, thanh toán điện tử, nhận biết, phòng ngừa lừa đảo trên mạng.

b) Y tế

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực y tế; phổ cập dịch vụ chăm sóc sức khỏe và tư vấn khám chữa bệnh từ xa.

- Triển khai Nền tảng hỗ trợ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa kết nối bệnh viện với bệnh viện, bệnh viện tuyến trên với bệnh viện tuyến dưới, từ trung ương tới cơ sở, giúp giảm tải các cơ sở y tế, khám, chữa bệnh kịp thời, tiết kiệm thời gian và chi phí.

- Triển khai hồ sơ bệnh án điện tử, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt; triển khai Nền tảng quản lý đơn thuốc điện tử quốc gia tại tất cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập và tư nhân trên địa bàn tỉnh; triển khai các nền tảng quản trị y tế thông minh dựa trên công nghệ số.

- Triển khai Nền tảng quản lý xét nghiệm. Các kết quả xét nghiệm trong hồ sơ bệnh án điện tử được công nhận lẫn nhau giữa các cơ sở khám, chữa bệnh theo

lộ trình của Bộ Y tế.

- Triển khai Nền tảng quản lý tiêm chủng, Nền tảng quản lý thông tin y tế cơ sở, Nền tảng giám sát dịch bệnh để quản lý bệnh truyền nhiễm và bệnh không lây nhiễm.

- Triển khai Nền tảng quản lý trạm y tế xã tại tất cả các xã, phường, thị trấn trên địa bàn.

- Triển khai Nền tảng hồ sơ sức khỏe cá nhân, mỗi người dân có một hồ sơ số về sức khỏe cá nhân để hình thành hệ thống chăm sóc y tế số hoàn chỉnh từ khâu chăm sóc sức khỏe ban đầu, dự phòng đến điều trị.

- Triển khai Nền tảng hỗ trợ tư vấn sức khỏe trực tuyến, kết nối người dân với bác sĩ tư vấn.

- Triển khai Nền tảng số kết nối các chuyên gia trong lĩnh vực y tế để thu thập, dán nhãn dữ liệu theo hình thức đóng góp của cộng đồng, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hỗ trợ phân tích, chẩn đoán đề xuất liệu trình phù hợp. Triển khai Nền tảng số về an toàn thực phẩm và Nền tảng số quản lý môi trường y tế.

c) Giáo dục và Đào tạo

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Triển khai Nền tảng số dạy, học trực tuyến, kết nối, phục vụ trực tuyến toàn trình cho công tác giảng dạy - học tập - thi cử cho học sinh, sinh viên, giáo viên, từ đó, hình thành hệ sinh thái phát triển giáo dục số, bảo đảm chất lượng cho việc thi cử trực tuyến.

- Tìm kiếm và ứng dụng sản phẩm, dịch vụ của các doanh nghiệp công nghệ giáo dục vào giảng dạy.

d) Lao động, việc làm và an sinh xã hội

- Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực lao động, việc làm và an sinh xã hội; thúc đẩy, khuyến khích các hình thức giao dịch điện tử, chứng chỉ chứng nhận điện tử, chi trả an sinh xã hội trực tuyến hoặc trực tiếp tới đối tượng thụ hưởng, loại bỏ các khâu trung gian.

- Triển khai Nền tảng dữ liệu số về lao động, việc làm và an sinh xã hội trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, tổ chức sử dụng lao động đóng vai trò nòng cốt và người lao động, người dân tham gia tích cực trong thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phân tích, dự báo, công bố thông tin thị trường lao động và thực hiện các chính sách an sinh xã hội. Hình thành nền tảng hợp đồng lao động điện tử và thúc đẩy người lao động và tổ chức sử dụng lao động thực hiện ký kết hợp đồng lao động điện tử. Triển khai sổ lao động điện tử cho người lao động.

- Triển khai Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm đảm bảo đầy đủ thông tin về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và thông tin về y tế, an sinh, xã hội, thống nhất, dùng chung cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm cung

cấp chính xác, kịp thời thông tin về bảo hiểm phục vụ công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu chính đáng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

đ) Thương mại, công nghiệp và năng lượng

- Triển khai Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025 ban hành tại Quyết định số 1389 /QĐ-UBND ngày 18/9/2020; Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 1968/QĐ-TTg ngày 22/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021 - 2030" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh, có tính cạnh tranh và phát triển bền vững. Hỗ trợ người dân đưa sản phẩm dịch vụ của mình lên các sàn thương mại điện tử để góp phần đưa mỗi một người dân thành một doanh nhân. Đào tạo kỹ năng số cho đồng bào dân tộc thiểu số, trao cơ hội tiếp cận với thương mại điện tử nhằm xóa đói giảm nghèo, thu hẹp chênh lệch về thu nhập.

- Triển khai Chương trình thúc đẩy thương mại điện tử tại các vùng nông thôn có tiềm năng phát triển: hạ tầng logistics thuận lợi, có nhiều nông sản, sản phẩm thủ công, mỹ nghệ độc đáo; tăng cường liên kết thương mại điện tử giữa các vùng, miền.

- Triển khai Nền tảng thương mại điện tử thông qua chuỗi giá trị, kết nối các nhà sản xuất lớn, các nhà phân phối vừa và nhỏ, các nhà bán buôn và các kênh thương mại bán lẻ, các công ty thương mại điện tử cùng cấu thành nên chuỗi cung ứng.

- Tăng cường xây dựng các hệ thống hạ tầng và dịch vụ nhằm hỗ trợ phát triển thương mại điện tử. Triển khai Đề án phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 ban hành tại Quyết định số 1125/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của UBND tỉnh.

- Triển khai cơ chế điều phối hoạt động hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp.

- Triển khai Nền tảng số kết nối doanh nghiệp sản xuất với các chuyên gia công nghệ và các nhà cung cấp giải pháp chuyên nghiệp để hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số.

- Theo dõi, giám sát, đôn đốc ngành điện thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực năng lượng, phát triển lưới điện thông minh.

e) Văn hóa, thể thao và du lịch

- Triển khai Nền tảng dữ liệu số du lịch trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, doanh nghiệp du lịch đóng vai trò nòng cốt và khách du lịch tham gia tích cực trong việc thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ hoạch định chính sách, lập kế hoạch kinh doanh, tối ưu hóa, cải thiện chất lượng dịch vụ du lịch.

- Triển khai Nền tảng quản trị và kinh doanh du lịch, phục vụ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp du lịch, kết nối doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ du lịch trong nước với các nhà phân phối, đại lý du lịch trực tuyến và các sàn giao dịch du lịch trực tuyến lớn, hỗ trợ doanh nghiệp du lịch kết nối, đổi mới sáng tạo trong hoạt động kinh doanh du lịch, tạo ra các gói du lịch hấp dẫn cho từng phân khúc khách du lịch. Triển khai hệ sinh thái du lịch thông minh; ứng dụng công nghệ số để kết nối nhằm hỗ trợ và tăng trải nghiệm cho khách du lịch; mở rộng năng lực cung cấp dịch vụ kết hợp giữa kênh thực và kênh số; sử dụng tối đa các giao dịch điện tử trong hoạt động du lịch; ứng dụng công nghệ hiện đại vào phát triển các phần mềm, tiện ích thông minh hỗ trợ công tác quản lý và phục vụ khách du lịch.

- Triển khai Nền tảng mô hình hóa đa chiều phục vụ phát triển bảo tàng số, du lịch số. Triển khai mạng lưới hệ thống bảo tàng số, kết nối, chia sẻ tài nguyên tri thức từ hệ thống tư liệu tại các bảo tàng trong nước.

g) Tài nguyên và Môi trường: Triển khai hạ tầng số, nền tảng dữ liệu số ngành tài nguyên và môi trường, ưu tiên xây dựng, triển khai nền tảng dữ liệu đất đai, bản đồ số nhằm tăng hiệu quả công tác quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công cho tổ chức và công dân; đồng thời bảo đảm cung cấp, chia sẻ dữ liệu, thông tin, hình thành các dịch vụ, mô hình kinh doanh mới, khai thác hiệu quả hệ sinh thái số về tài nguyên và môi trường, đóng góp các nền tảng số cho phát triển kinh tế số, xã hội số.

IV. GIẢI PHÁP

1. Tổ chức, bộ máy

a) Tiếp tục tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi.

b) Tổ chức các Tổ công nghệ số cộng đồng đến từng thôn, tổ dân phố với các Tổ viên là cán bộ kiêm nhiệm và các thành viên tại chỗ năng nổ, nhiệt tình, được đào tạo về kỹ năng số để phổ biến hướng dẫn, trợ giúp người dân sử dụng công nghệ số và các nền tảng số Việt Nam.

2. Hợp tác

a) Hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nền tảng số trong việc tuyên truyền, phổ biến, tập huấn kỹ năng số cho người dân thông qua việc sử dụng nền tảng số.

b) Hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài trong việc thu hút nguồn lực, tri thức, chuyển giao công nghệ số vào tỉnh.

3. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức

a) Tổ chức các hội nghị, hội thảo, các sự kiện về phát triển kinh tế số, xã hội số và kết quả thực hiện các nội dung của Kế hoạch; lồng ghép nội dung về kinh tế số, xã hội số trong các sự kiện, triển lãm về phát triển kinh tế - xã hội.

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn rộng khắp về các nền tảng số

quốc gia, các mô hình kinh tế số, xã hội số điển hình trên hệ thống truyền thông từ tỉnh đến cơ sở. Triển khai các kênh tư vấn, hỏi đáp, trợ lý ảo về kinh tế số, xã hội số, hỗ trợ người dân nâng cao kỹ năng số, sử dụng nền tảng số, dịch vụ số và công nghệ số.

c) Sản xuất các tin, bài, phóng sự, câu chuyện, phim tài liệu về kinh tế số, xã hội số trên phát thanh, truyền hình; tìm kiếm, phổ biến kinh nghiệm, câu chuyện thành công về phát triển kinh tế số và xã hội số; mở các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về kinh tế số và xã hội số.

4. Đo lường, giám sát triển khai

Hàng năm thực hiện điều tra, khảo sát, thu thập, công bố kết quả thống kê, đo lường các chỉ tiêu kinh tế số và các mục tiêu cơ bản về kinh tế số và xã hội số đặt ra tại Kế hoạch này.

5. Bảo đảm kinh phí

a) Kinh phí thực hiện Kế hoạch này bao gồm: ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

b) Ưu tiên kinh phí từ ngân sách để thực hiện nhiệm vụ, giải pháp thuộc Kế hoạch này do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện.

- Nguồn kinh phí đầu tư chi để thực hiện các nhiệm vụ, dự án: đầu tư xây dựng các hệ thống thông tin, nền tảng số, mua sắm phần cứng, phần mềm, công nghệ, trang thiết bị và xây dựng các cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Nguồn kinh phí thường xuyên chi để thực hiện chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ: nghiên cứu, xây dựng thể chế, chính sách; thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số; điều tra, khảo sát, thống kê, đo lường, đánh giá chỉ số phát triển, ảnh hưởng tác động; thuê, mua sử dụng, thúc đẩy phát triển các nền tảng số; tạo lập, cập nhật, lưu trữ và chia sẻ, sử dụng dữ liệu số; đảm bảo an toàn thông tin mạng; đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nhân lực số, kỹ năng số, công dân số, văn hóa số; hỗ trợ, tư vấn chuyển đổi số doanh nghiệp; thông tin, tuyên truyền; duy trì, vận hành các hệ thống thông tin, nền tảng số; các nhiệm vụ khác thuộc Kế hoạch có tính chất chi thường xuyên. Khuyến khích, ưu tiên sử dụng nguồn chi thường xuyên để thuê, mua sử dụng các nền tảng số, dịch vụ số, hệ thống thông tin thay vì đầu tư xây dựng.

6. Giảm thiểu các tác động tiêu cực của phát triển kinh tế số, xã hội số

a) Đánh giá tác động của phát triển kinh tế số, xã hội số ở tỉnh; trong đó, trọng tâm là đánh giá ảnh hưởng của công nghệ đối với các ngành, nghề và triển vọng việc làm để đưa ra phương án chuyên đổi phù hợp với chiến lược phát triển của tỉnh. Triển khai các giải pháp nhằm giảm thiểu bất bình đẳng, thu hẹp khoảng cách và giảm tác động tiêu cực của quá trình phát triển kinh tế số, xã hội số.

b) Đánh giá các tác động của công nghệ số đến xã hội để có các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số. Triển khai trợ lý ảo để

hỗ trợ người dân mọi lúc, mọi nơi.

c) Hình thành các điểm thu gom sản phẩm công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông hư hỏng, hết hạn sử dụng, rác thải công nghệ, rác thải điện tử; đẩy mạnh áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hướng tới một môi trường xanh và bảo vệ sức khỏe của người dân.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này và phổ biến Kế hoạch này đến doanh nghiệp, cộng đồng để thực hiện; hướng dẫn, đôn đốc, các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; chủ trì thúc đẩy chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số, các nền tảng số quốc gia và kinh tế nền tảng trên địa bàn tỉnh; kiểm tra, giám sát, định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông tình hình thực hiện Kế hoạch.

b) Tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

c) Chủ trì tham mưu triển khai các nền tảng số quốc gia được giao tại Công văn số 1446/UBND-KGVX ngày 31/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia trên địa bàn tỉnh.

d) Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo phân công tại Phụ lục và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố

a) Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được phân công tại Phụ lục, Công văn số 1446/UBND-KGVX ngày 31/3/2022 và các nhiệm vụ khác trong Kế hoạch này phù hợp chức năng nhiệm vụ được giao.

b) Xây dựng, ban hành Kế hoạch đến năm 2025 để thực hiện Kế hoạch này; xác định nhiệm vụ, khối lượng trong Kế hoạch Chuyển đổi số hàng năm của đơn vị, địa phương để triển khai thực hiện.

c) Thực hiện chế độ thông tin báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch, báo cáo 6 tháng và báo cáo năm, gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Công an tỉnh

Triển khai các nội dung liên quan tại Kế hoạch này theo Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 11/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

4. Cục Thuế tỉnh

Triển khai Nền tảng hóa đơn điện tử quốc gia theo Công văn số 1446/UBND-KGVX ngày 31/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác tổng hợp, tham mưu bố trí nguồn vốn đầu tư cho các chương trình, dự án thực hiện Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số.

6. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn chi thường xuyên theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương để triển khai Kế hoạch.

7. Báo Quảng Ngãi, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh

a) Tuyên truyền sâu rộng các nội dung của Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

b) Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được phân công tại Phụ lục và các nhiệm vụ khác trong Kế hoạch này phù hợp chức năng nhiệm vụ được giao.

8. Tỉnh đoàn Quảng Ngãi

Khuyến khích Tỉnh đoàn chỉ đạo hệ thống tổ chức đoàn cơ sở các cấp cử đầu mối tham gia mạng lưới hỗ trợ triển khai chuyển đổi số do Sở Thông tin và Truyền thông điều phối; chủ động phát động các chiến dịch đoàn viên thanh niên thực hiện tuyên truyền, phổ biến kỹ năng số, hỗ trợ, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ trên môi trường số.

9. Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh

Khuyến khích Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh xây dựng kế hoạch và chỉ đạo hệ thống tổ chức thành viên chủ động tham gia phát triển và ứng dụng công nghệ số phục vụ kinh tế số và xã hội số.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội phát huy vai trò trong tuyên truyền, vận động, giám sát thực hiện Kế hoạch.

11. Các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh

a) Ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng số, hạ tầng bưu chính đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế số, xã hội số; cùng với cơ quan nhà nước tham gia đào tạo, hướng dẫn người dân về phát triển kỹ năng số.

b) Tiên phong chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp, phát triển các nền tảng số quốc gia, nền tảng số ngành, đảm bảo an toàn, an ninh mạng,

từng bước làm chủ công nghệ lõi để phát triển các nền tảng phù hợp nhu cầu của địa phương đồng thời có khả năng thương mại cao.

12. Trách nhiệm của cộng đồng

Cộng đồng dân cư, tổ dân phố, hộ gia đình, các tổ chức, cá nhân chủ động, tích cực nâng cao các kỹ năng ứng dụng công nghệ số, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung, các cơ quan, đơn vị chủ động đề xuất, gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

100

100

100

Phụ lục
Các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thực hiện thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số
giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
Kèm theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)



TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì thực hiện	Thời gian
A	PHÁT TRIỂN NỀN MÓNG CHO KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ		
I	Hoàn thiện thể chế		
	Rà soát, xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy định cho phù hợp với sự phát triển kinh tế số, xã hội số của tỉnh; rà soát, điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật trong từng ngành, lĩnh vực để cụ thể hóa việc thúc đẩy giao dịch điện tử trong mọi mặt kinh tế - xã hội; xây dựng các chính sách để bảo đảm tỷ lệ hoạt động trực tuyến chiếm tới thiểu 50% tổng số hoạt động trong mỗi cơ quan, tổ chức, ngành, lĩnh vực	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022 - 2025
II	Phát triển hạ tầng		
1.	Triển khai chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số, lộ trình số hóa và thông minh hóa lĩnh vực hạ tầng khu công nghiệp	Ban Quản lý KKT Dung Quất và các Khu công nghiệp tỉnh	2022 - 2025
2.	Triển khai Chiến lược phát triển hạ tầng số; Chiến lược phát triển hạ tầng bưu chính	Sở Thông tin và Truyền thông	2022 - 2025
3.	Triển khai chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số, lộ trình số hóa và thông minh hóa lĩnh vực hạ tầng giao thông	Sở Giao thông - Vận tải	2022 - 2025
4.	Triển khai chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số, lộ trình số hóa và thông minh hóa lĩnh vực hạ tầng thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022 - 2025
5.	Triển khai chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số, lộ trình số hóa và thông minh hóa lĩnh vực hạ tầng đô thị	Sở Xây dựng	2022 - 2025
6.	Triển khai chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số, lộ trình số hóa và thông minh hóa lĩnh vực hạ tầng thương mại, công nghiệp và năng lượng	Sở Công Thương	2022 - 2025
7.	Triển khai chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số, lộ trình số hóa và thông minh hóa lĩnh vực hạ tầng cung cấp điện	Sở Công Thương	2022 - 2025

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì thực hiện	Thời gian
8.	Triển khai kế hoạch nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics	Sở Công Thương	2022 - 2025
9.	Triển khai chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số, lộ trình số hóa và thông minh hóa lĩnh vực hạ tầng giáo dục và đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	2022 - 2025
10.	Triển khai chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số, lộ trình số hóa và thông minh hóa lĩnh vực khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	2022 - 2025
11.	Triển khai chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số, lộ trình số hóa và thông minh hóa lĩnh vực hạ tầng y tế	Sở Y tế	2022 - 2025
12.	Triển khai chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số, lộ trình số hóa và thông minh hóa lĩnh vực hạ tầng văn hóa, thể thao, du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2022 - 2025
13.	Đẩy mạnh phát triển hạ tầng kết nối số cho người dân; phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng đến tất cả các thôn, tổ dân phố, khu vực dân sinh; tăng nhanh tỷ lệ người dùng Internet, đặc biệt ở khu vực nông thôn; nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng. Triển khai Nền tảng địa chỉ số, bản đồ số tạo hạ tầng mềm cho phát triển kinh tế số và xã hội số	Sở Thông tin và Truyền thông; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022 - 2025
III	Triển khai các nền tảng số		
1.	Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch thúc đẩy sử dụng nền tảng số quốc gia	Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022 - 2025
IV	Triển khai dữ liệu số		
1.	Triển khai Chiến lược dữ liệu quốc gia	Sở Thông tin và Truyền thông	2022 - 2025
2.	Triển khai kế hoạch phát triển dữ liệu và phát triển nhân lực dữ liệu trong các lĩnh vực trọng điểm. Bảo đảm dữ liệu được tạo lập tuân thủ theo định dạng máy đọc được, sẵn sàng khả năng chia sẻ, khai thác, sử dụng một cách dễ dàng	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022 - 2025
3.	Triển khai Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp tỉnh, kết nối Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu quốc gia	Sở Thông tin và Truyền thông	2022 - 2025

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì thực hiện	Thời gian
V	Đảm bảo an toàn thông tin và an ninh mạng		
1.	Triển khai Chiến lược an toàn an ninh mạng quốc gia; Nền tảng an toàn thông tin mạng	Sở Thông tin và Truyền thông	2022 - 2023
2.	Đảm bảo yêu cầu an toàn thông tin mạng mặc định ngay từ khâu thiết kế, xây dựng khi phát triển các hạ tầng số, nền tảng số	Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022 - 2025
3.	Triển khai phổ cập dịch vụ an toàn thông tin mạng cơ bản giúp người dân phòng, tránh và tự bảo vệ mình	Sở Thông tin và Truyền thông	2022 - 2025
4.	Triển khai dịch vụ an toàn thông tin mạng chuyên nghiệp giúp tổ chức, doanh nghiệp thực hiện mô hình bảo vệ 04 lớp	Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022 - 2025
5.	Triển khai hệ sinh thái tin nhiệm mạng	Sở Thông tin và Truyền thông	2022 - 2023
6.	Triển khai ký số từ xa theo hướng ưu tiên phổ cập việc sử dụng chữ ký số cá nhân cho người dân; triển khai các giải pháp để hỗ trợ, miễn giảm giá sử dụng chữ ký số	Sở Thông tin và Truyền thông	2022 - 2023
7.	Hoàn thành triển khai Đề án đẩy mạnh ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và chuyển đổi số quốc gia	Công an tỉnh	2022 - 2025
8.	Triển khai Nghị định về định danh và xác thực điện tử	Công an tỉnh	2022 - 2025
9.	Triển khai Nền tảng định danh người dân và xác thực điện tử trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu căn cước công dân và cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh	Công an tỉnh	2022 - 2025
10.	Bảo đảm, xác thực thông tin trên nền tảng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, kết nối để phục vụ việc xác nhận mức độ bảo đảm, xác thực của danh tính số của người dân	Công an tỉnh	2022 - 2025
11.	Đẩy mạnh công tác phòng, chống tội phạm công nghệ cao trong các hoạt động kinh tế - xã hội	Công an tỉnh	2022 - 2025

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì thực hiện	Thời gian
VI	Phát triển nhân lực số		
1.	Triển khai Chương trình “Học từ làm việc thực tế”, triển khai Nền tảng số kết nối các cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	2022 - 2025
2.	Triển khai Chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục tiểu học và phổ thông	Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022 - 2025
3.	Triển khai mạng lưới hệ thống thư viện điện tử, các nền tảng tài nguyên giáo dục mở	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2022 - 2025
4.	Triển khai Nền tảng quản lý nội dung học tập, Nền tảng lưu trữ hồ sơ số trong suốt quá trình học tập	Sở Giáo dục và Đào tạo	2022 - 2025
5.	Triển khai Nền tảng quản lý học tập	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Giáo dục và Đào tạo	2022 - 2025
6.	Nền tảng sát hạch trực tuyến đánh giá, đo lường kỹ năng số	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
VII	Phát triển kỹ năng số, công dân số, văn hóa số		
1.	Triển khai Nền tảng học trực tuyến mở (MOOCs) về kỹ năng số	Sở Thông tin và Truyền thông	2022 - 2025
2.	Tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng số cơ bản, kỹ năng số nâng cao, kỹ năng kỹ thuật cho các đối tượng là cán bộ lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật, công nghệ thông tin chuyên trách chuyên đổi số và công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước, trong các doanh nghiệp, hệ sản xuất kinh doanh. Đào tạo đạt chuẩn kỹ năng số cho sinh viên, học sinh trong các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục phổ thông	Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022 - 2025
3.	Hàng năm thực hiện sát hạch, đánh giá, công bố kỹ năng số của học sinh, sinh viên,	Sở Thông tin và Truyền	2022 - 2025

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì thực hiện	Thời gian
	công chức, viên chức và người lao động trong các doanh nghiệp	thông; các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	
4.	Triển khai các chương trình đẩy phát triển công dân số rộng khắp; khuyến khích mỗi người dân tuổi thành niên đều có danh tính số, tài khoản số, được trang bị phương tiện số; hỗ trợ triển khai đào tạo, tập huấn về kỹ năng số cho người dân. Khuyến khích người dân sử dụng các thiết bị IoT để quan trắc, giám sát phục vụ đời sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh	Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022 - 2025
5.	Triển khai các chương trình đẩy mạnh phát triển văn hóa số sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. Tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích người dân truy cập Internet, đăng ký tài khoản và sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ y tế số, giáo dục số, sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và khai thác tiện ích, tài nguyên số trên Internet. Hướng dẫn người dân về các kỹ năng an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để có thể tự bảo vệ tài khoản, dữ liệu của mình trên không gian số	Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022 - 2025
6.	Triển khai Nền tảng truyền hình số (trực tuyến), Nền tảng phát thanh số (trực tuyến)	Đài Phát thanh và Truyền hình Quảng Ngãi	2022 - 2025
7.	Triển khai Nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến người dân, tạo kênh độc lập thu thập, tổng hợp ý kiến phản ánh, đánh giá của người dân liên quan đến mọi vấn đề đời sống kinh tế, xã hội	Văn phòng UBND tỉnh	2022 - 2025
VIII	Phát triển doanh nghiệp số		
1.	Triển khai Kế hoạch về Phát triển doanh nghiệp công nghệ số hoạt động trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.	Theo nội dung phân công tại Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 12/6/2020	2022 - 2025
2.	Triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Công Thương; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022 - 2025

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì thực hiện	Thời gian
3.	Triển khai Chương trình xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo, đôn đốc doanh nghiệp trong ngành, lĩnh vực, địa bàn tích cực tham gia. Có chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp nỗ lực đạt mức độ chuyển đổi số cao để hình thành các doanh nghiệp số; nhắc nhở, đôn đốc các doanh nghiệp chậm chuyển đổi số	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Công Thương; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022 - 2025
4.	Triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát và logistic thực hiện chuyển đổi số; Chương trình hỗ trợ các cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số; Chương trình hỗ trợ các hộ sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể chuyển đổi số, kinh doanh trên sàn thương mại điện tử	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Công Thương; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022 - 2025
5.	Triển khai Nền tảng quản trị tổng thể, Nền tảng kế toán dịch vụ, Nền tảng tối ưu hóa chuỗi cung ứng, Nền tảng thương mại số nông nghiệp, Nền tảng trí tuệ nhân tạo, Nền tảng trợ lý ảo, Nền tảng thiết bị IoT	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Tài chính; Sở Công Thương, Sở NN&PTNT	2022 - 2025
IX	Triển khai thanh toán số		
1.	Triển khai Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia theo hướng thúc đẩy tài chính số, phát triển kinh tế số tài chính	Sở Tài chính	2022 - 2025
2.	Triển khai Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Quảng Ngãi	2022 - 2025
3.	Triển khai Chương trình thúc đẩy dịch vụ Mobile Money	Sở Thông tin và Truyền thông	2022 - 2025
4.	Triển khai Chương trình hỗ trợ bệnh viện, trường học thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt và chuyển đổi số quản trị hoạt động của đơn vị	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Y tế, Sở Giáo dục, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022 - 2025
5.	Triển khai Nền tảng hóa đơn điện tử quốc gia	Cục Thuế tỉnh	2022 - 2023
B	PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ NGÀNH, LĨNH VỰC		
I	Phát triển kinh tế số, xã hội số nông nghiệp và nông thôn		
1.	Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022 - 2025

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì thực hiện	Thời gian
2.	Triển khai Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp; Nền tảng số kết nối người nông dân với chuyên gia nông nghiệp; Nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản; Nền tảng số phục vụ nhu cầu của người nông dân	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022 - 2025
3.	Cập nhật bộ tiêu chí về nông thôn mới, tiêu chí về xóa đói giảm nghèo có các tiêu chí về phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Tổ chức triển khai mô hình làng chuyên đổi số, xã chuyên đổi số	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022 - 2025
4.	Tổ chức triển khai sáng kiến phổ cập kỹ năng số cho người nông dân	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022 - 2025
5.	Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, hỗ trợ nông dân chuyển đổi số, nâng cao kỹ năng số và tham gia phát triển kinh tế số, xã hội số	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022 - 2025
II	Phát triển kinh tế số, xã hội số trong y tế		
1.	Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong y tế	Sở Y tế	2022 - 2025
2.	Triển khai Nền tảng hồ sơ sức khỏe cá nhân, Nền tảng quản lý đơn thuốc điện tử quốc gia, Hồ sơ bệnh án điện tử	Sở Y tế	2022 - 2025
3.	Triển khai Nền tảng hỗ trợ tư vấn sức khỏe trực tuyến; Nền tảng khám, chữa bệnh từ xa	Sở Y tế	2022 - 2025
4.	Triển khai Nền tảng quản lý xét nghiệm thông nhất toàn quốc, Nền tảng quản lý tiêm chủng thông nhất toàn quốc	Sở Y tế	2022 - 2025
5.	Triển khai Nền tảng quản lý trạm y tế xã toàn quốc; Nền tảng quản lý thông tin y tế cơ sở thông nhất toàn quốc; Nền tảng quản trị y tế thông minh	Sở Y tế	2022 - 2025
6.	Triển khai Nền tảng số về an toàn thực phẩm, Nền tảng số quản lý môi trường y tế	Sở Y tế	2022 - 2025
7.	Triển khai Nền tảng số kết nối các chuyên gia trong lĩnh vực y tế.	Sở Y tế	2022 - 2025
III	Phát triển kinh tế số, xã hội số trong giáo dục và đào tạo		
1.	Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	2022 - 2025
2.	Triển khai Nền tảng số dạy, học trực tuyến	Sở Giáo dục và Đào tạo	2022 - 2025

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì thực hiện	Thời gian
3.	Tìm kiếm và thúc đẩy ứng dụng sản phẩm, dịch vụ của các doanh nghiệp trên lĩnh vực công nghệ giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Thông tin và Truyền thông	2022 - 2025
IV	Phát triển kinh tế số, xã hội số trong lĩnh vực lao động, việc làm và an sinh xã hội		
1.	Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực lao động, việc làm và an sinh xã hội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	2022 - 2025
2.	Triển khai Nền tảng dữ liệu số về lao động, việc làm và an sinh xã hội, Nền tảng hợp đồng lao động điện tử và thúc đẩy người lao động và tổ chức sử dụng lao động thực hiện ký kết hợp đồng lao động điện tử. Triển khai số lao động điện tử cho người lao động	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	2022 - 2025
3.	Triển khai, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm. Kết nối, cung cấp dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm lên Cổng dữ liệu quốc gia phục vụ cơ quan, tổ chức và cá nhân khai thác thông tin. rà soát các quy định, thủ tục trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế để đơn giản hóa giấy tờ cá nhân trên cơ sở sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.	Bảo hiểm xã hội tỉnh	2022 - 2025
V	Phát triển kinh tế số thương mại, công nghiệp và năng lượng		
V.1	Thương mại		
1.	Triển khai Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025	Sở Công Thương	2022 - 2025
2.	Triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 1968/QĐ-TTg ngày 22/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021-2030" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Sở Công Thương	2022 - 2025
3.	Quản lý, giám sát tình hình thị trường hàng hóa; chống gian lận thương mại, hàng giả và bảo vệ người tiêu dùng trong các giao dịch thương mại điện tử trực tuyến; xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh, có tính cạnh tranh và phát triển bền vững	Sở Công Thương	2022 - 2025
4.	Triển khai Chương trình thúc đẩy thương mại điện tử tại các vùng nông thôn có	Sở Công Thương	2022 - 2025

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì thực hiện	Thời gian
	tiềm năng phát triển dựa trên các nền tảng thương mại số		
5.	Hỗ trợ người dân đưa sản phẩm, dịch vụ của mình lên các sàn thương mại điện tử để mỗi một người dân là một doanh nhân	Sở Công Thương, Sở Thông tin và Truyền thông	2022 - 2025
6.	Triển khai Nền tảng thương mại điện tử. Thúc đẩy phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh	Sở Công Thương	2022 - 2025
7.	Tăng cường xây dựng hệ thống hạ tầng và dịch vụ nhằm hỗ trợ phát triển thương mại điện tử	Sở Công Thương	2022 - 2025
V.2	Công nghiệp và Năng lượng		
1.	Triển khai cơ chế điều phối hoạt động hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2022 - 2025
2.	Triển khai Nền tảng số kết nối doanh nghiệp sản xuất với các chuyên gia công nghệ và các nhà cung cấp giải pháp chuyên nghiệp	Ban Quản lý KKT Dung Quất và các Khu công nghiệp	2022 - 2025
3.	Triển khai chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025	Sở Công Thương	2022 - 2025
4.	Theo dõi, giám sát, đôn đốc ngành điện thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực năng lượng, phát triển lưới điện thông minh	Sở Công Thương	2022 - 2025
VI	Phát triển kinh tế số văn hóa, thể thao và du lịch		
1.	Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2022 - 2025
2.	Triển khai Nền tảng dữ liệu số du lịch, Nền tảng quản trị và kinh doanh du lịch, Nền tảng số kết nối cung và cầu về du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2022 - 2025
3.	Triển khai Nền tảng mô hình hóa đa chiều phục vụ phát triển bảo tàng số	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2022 - 2025
VII	Phát triển kinh tế số Tài nguyên và Môi trường		
1.	Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	2022 - 2025
2.	Triển khai Nền tảng dữ liệu số ngành tài nguyên và môi trường, ưu tiên triển khai	Sở Tài nguyên và Môi trường	2022 - 2025

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì thực hiện	Thời gian
	Nền tảng dữ liệu đất đai quốc gia, Nền tảng bản đồ số quốc gia mở		
C	CÁC GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ		
I	Tổ chức, bộ máy, mạng lưới		
1.	Tổ chức hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi	Sở Thông tin và Truyền thông	2022 - 2025
2.	Tổ chức các Tổ công nghệ số cộng đồng đến từng thôn, tổ dân phố	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022 - 2025
3.	Xây dựng, trình ban hành chính sách về nhân lực phục vụ Chuyển đổi số	Sở Thông tin và Truyền thông	2022 - 2024
II	Hợp tác về phát triển kinh tế số, xã hội số		
1.	Hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên nền tảng số trong việc tuyên truyền, phổ biến, tập huấn kỹ năng số cho người dân thông qua việc sử dụng nền tảng số	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022 - 2025
2.	Hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài trong việc thu hút nguồn lực, tri thức, chuyển giao công nghệ số vào tỉnh	Các sở, ban, ngành	2022 - 2025
III	Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về kinh tế số và xã hội số		
1.	Tổ chức các hội nghị, hội thảo, các sự kiện về phát triển kinh tế số, xã hội số, và kết quả thực hiện các nội dung của Kế hoạch; lồng ghép nội dung về kinh tế số, xã hội số trong các sự kiện, triển lãm về phát triển kinh tế - xã hội	Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022 - 2025
2.	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn rộng khắp về các nền tảng số quốc gia, các mô hình kinh tế số, xã hội số điển hình trên hệ thống truyền thông từ tỉnh đến cơ sở. Triển khai các kênh tư vấn, hỏi đáp, trợ lý ảo về kinh tế số, xã hội số, hỗ trợ người dân nâng cao kỹ năng số, sử dụng nền tảng số, dịch vụ số và công nghệ số	Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022 - 2025
3.	Sản xuất các tin, bài, phóng sự, câu chuyện, phim tài liệu về kinh tế số, xã hội số trên phát thanh, truyền hình; tìm kiếm, phổ biến kinh nghiệm, câu chuyện thành công về phát triển kinh tế số và xã hội số; mở các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về kinh tế số và xã hội số	Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Quảng Ngãi	2022 - 2025

Nhiệm vụ, giải pháp			Chủ trì thực hiện	Thời gian
IV	Đo lường, giám sát triển khai			
1.	Xây dựng công cụ điều tra, khảo sát, thu thập, công bố kết quả thống kê, đo lường các chỉ tiêu kinh tế số, xã hội số	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Kế hoạch và Đầu tư	2022 - 2024	
2.	Hàng năm thực hiện điều tra, khảo sát, thu thập, công bố kết quả thống kê, đo lường các chỉ tiêu kinh tế số, xã hội số và các mục tiêu cơ bản về kinh tế số và xã hội số đặt ra tại Kế hoạch này	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022 - 2025	
V	Bảo đảm kinh phí cho phát triển kinh tế số và xã hội số			
1.	Huy động tối đa các nguồn kinh phí để thực hiện Kế hoạch này bao gồm: ngân sách nhà nước; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác	Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022 - 2025	
2.	Ưu tiên kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ phát triển nền móng kinh tế số và xã hội số, phát triển kinh tế số và xã hội số ngành và lĩnh vực và các nhiệm vụ, giải pháp thuộc Kế hoạch này do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện	Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022 - 2025	
VI	Giảm thiểu các tác động tiêu cực của công nghệ số			
1.	Đánh giá tác động của phát triển kinh tế số, xã hội số ở tỉnh và đề xuất các giải pháp nhằm chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số. Triển khai các giải pháp nhằm giảm thiểu bất bình đẳng, thu hẹp khoảng cách và giảm tác động tiêu cực của quá trình phát triển kinh tế số, xã hội số.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022 - 2025	
2.	Đánh giá các tác động của công nghệ số đến xã hội để có các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022 - 2025	
3.	Hình thành các điểm thu gom sản phẩm công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông hư hỏng, hết hạn sử dụng, rác thải công nghệ, rác thải điện tử	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022 - 2025	